

Bản án số: **110/2022/HNGĐ - ST**
Ngày: **27- 9 - 2022**
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đào

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thành Đô

2. Bà Lê Thị Thận

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Chang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tham gia phiên tòa: Ông An Bắc Lùng – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 157/2022/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 217/2022/QĐXX - ST ngày 07 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Võ L, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 3, xã A, huyện B, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn đều có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Võ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung ngày 27/12/2002. Vợ chồng chung sống tới năm 2021 thì mới phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do ông L có quen biết bạn bè bên ngoài thì bà Nguyễn Thị G cho rằng ông L có quan hệ bất chính với người khác nên đánh ghen tại nơi

làm việc làm ảnh hưởng tới danh dự của ông L. Từ đó trở đi thì mâu thuẫn vợ chồng mới trở nên càng trầm trọng, vợ chồng bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung do bà G không còn tôn trọng không nghe theo ý kiến của ông L. Hiện nay, ông L không còn tình cảm với bà G nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với bà G để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Ông L và bà G có 03 người con chung là Võ Thị Thùy P, sinh năm 1994; Võ Thị Thùy N, sinh năm 1997 và Võ Thị Thùy T, sinh ngày 01/9/2005. Cháu P và cháu N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu T hiện nay đang ở với ông L nên ông L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Về cấp dưỡng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông L và bà G tự thỏa thuận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà G và ông Võ L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Nghĩa Trung năm 2002. Vợ chồng chung sống hạnh phúc và không có mâu thuẫn gì. Tuy nhiên, từ tháng 9/2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông L ngoại tình với người phụ nữ khác nên về nhà ruộng rẫy vợ con, mặc dù bà G đã tha thứ cho ông L nhưng ông L vẫn đi lại quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên bà G cùng các con có đi đánh ghen. Hiện nay, ông L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì bà G cương quyết không đồng ý, mong muốn đoàn tụ để cùng nhau chăm sóc con cái.

Trong trường hợp ông L cương quyết yêu cầu ly hôn thì ông L phải trả cho bà G 200.000.000 đồng để bà G trả nợ trong gia đình trước đó vợ chồng đi vay chung.

- Về con chung: Bà G và ông L có 03 người con chung là Võ Thị Thùy P, sinh năm 1994; Võ Thị Thùy N, sinh năm 1997 và Võ Thị Thùy T, sinh năm 01/9/2005. Cháu P và cháu N đã thành niên nên không yêu cầu giải quyết. Cháu T hiện nay đang sống cùng với ông L thì bà G đồng ý giao cháu T cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu T thành niên. Về cấp dưỡng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận với nhau và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Võ L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thừa nhận nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và việc bà G đánh ghen tại nơi làm việc của ông L dẫn đến việc ông L bị mất danh dự, bị chuyển nơi công tác khác. Tuy nhiên, xác định hiện nay ông L đã chấm dứt quan hệ tình cảm với người phụ nữ này nhưng tình trạng mâu thuẫn vợ chồng không được giải quyết mà ngày càng trầm trọng nên cương quyết muốn ly hôn với bà G. Đối với phần cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị Thùy Trang thì ông L yêu cầu bà G phải cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi.

Bị đơn bà Nguyễn Thị G xác định nguyên nhân vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do ông L có quan hệ tình cảm bất chính với người phụ nữ khác, nhưng hiện nay vẫn còn tình cảm với ông L nên kiên quyết không đồng ý ly hôn với ông

L. Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi thì bà G đồng ý yêu cầu này của ông L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Võ L. Về con chung giao cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 01/9/2005 cho ông Võ L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T thành niên; ghi nhận sự tự nguyện của bà G về việc cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T thành niên; về tài sản chung, nợ chung tự thỏa thuận không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Các đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện của ông Võ L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và con chung với bà Nguyễn Thị G. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại thôn 3, xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Hội đồng xét xử xét thấy tranh chấp giữa Nguyên đơn và Bị đơn thuộc lĩnh vực hôn nhân gia đình. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ L và bà Nguyễn Thị G tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1992, tuy nhiên đến năm 2002 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 27/12/2002 của Ủy ban nhân dân xã Nghĩa Trung, huyện Bù Đăng đã được ông L giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông L và bà G là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn gia đình: Xét thấy quá trình giải vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều xác định vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9/2021 do ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Ngoài ra ông L cho rằng việc bà G đã có hành động đánh ghen tại nơi làm việc của ông L nên làm ông L bị mất danh dự với đồng nghiệp, phải chuyển nơi công tác. Như vậy, xét thấy ông L có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác trong thời kỳ hôn nhân với bà G là vi phạm quyền và nghĩa vụ tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình; còn bà G có hành vi đánh ghen tại nơi ông L công tác dẫn đến việc ông L bị mất danh dự với đồng nghiệp và phải chuyển nơi công tác là vi phạm Điều 21 của Luật hôn nhân và gia đình. Mặt khác, từ cuối năm 2021 cho đến nay ông L và bà G không còn sống chung với nhau, ông L xác định hiện nay ông L đã chấm dứt quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, ông L không còn tình cảm với

bà G nữa. Bà G cho rằng vẫn còn tình cảm, mong muốn đoàn tụ nhưng quá trình giải quyết vụ án vẫn đồng ý ly hôn nếu ông L đưa cho bà G số tiền 200.000.000 đồng để bà G trả nợ. Như vậy, giữa ông L và bà G đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của ông L.

[4] Về con chung: Ông L và bà G có 03 người con chung Võ Thị Thùy P, sinh năm 1994; Võ Thị Thùy N, sinh năm 1997 và Võ Thị Thùy T, sinh ngày 01/9/2005. Hiện nay cháu P và cháu Nhung đã thành niên và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu T, quá trình giải quyết vụ án, ông L và bà G thống nhất giao cháu T cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho tới khi cháu T thành niên. Tại phiên tòa bà G đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi theo yêu cầu của ông L. Do đó, cần ghi nhận sự thỏa thuận này của ông L và bà G, giao cháu T cho ông L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho tới khi cháu T thành niên; bà G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu T 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T thành niên.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc nguyên đơn ông L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng tiền án phí về cấp dưỡng.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ L về việc xin ly hôn. Ông Võ L được ly hôn với bà Nguyễn Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 01/9/2005 cho ông Võ L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi;

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Nguyễn Thị G có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Võ Thị Thùy T, sinh ngày 01/9/2005 với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu T đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 27/9/2022).

4. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự tự thỏa thuận không yêu cầu toà án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Nguyên đơn ông Võ L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000567 ngày 26/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bà Nguyễn Thị G phải chịu 300.000 đồng án phí về nghĩa vụ cấp dưỡng.

6. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- UBND xã Nghĩa Trung;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Đào